TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2025/HC-PT
Ngày 16/4/2025.
V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Chí Công**
ông **Phạm Tấn Hoàng**

- Thư ký phiên tòa: ông **Đinh Tiến Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông **Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 27/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2024/HCST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 900/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Võ Văn G - sinh năm 1942; địa chỉ: tổ B, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông Lê Duy T - sinh năm 1984 (văn bản uỷ quyền ngày 17/02/2022 và tại phiên toà phúc thẩm); địa chỉ: số A đường N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q);

Địa chỉ: số A đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trường S - chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q (văn bản uỷ quyền số 1499/GUQ-STNMT ngày 29/6/2021). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q): ông Trần Văn C - Phó

Giám đốc Văn phòng Đ. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Văn phòng Đ;

Địa chỉ: số I đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn C - chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ (văn bản uỷ quyền số 591/VPĐKĐĐ-ĐK ngày 06/7/2022). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Địa chỉ: thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Phan Thị N - Phó Chủ tịch (văn bản uỷ quyền số 629/UBND-VP ngày 28/3/2025). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T:

- Ông Cao Ngọc S1 - Phó Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện T. Có đơn xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu S2 - Quyền Trưởng phòng Phòng Tư pháp huyện T. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Xuân B - chuyên viên Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Địa chỉ: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Tấn D - chức vụ: công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng - Môi trường (văn bản uỷ quyền ngày 06/6/2024). Có mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 - sinh năm 1952. Vắng mặt.

3.4. Ông Võ Trường S3 - sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: tổ B, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Võ Trường S3: ông Lê Duy T - sinh năm 1984; địa chỉ: số A đường N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.5. Bà Võ Thị Vi N1 - sinh năm 1989;

3.6. Bà Võ Thị Tường V - sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Bà N1, bà V có đơn xin vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Võ Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện của ông Võ Văn G, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Lê Duy T trình bày:

Hộ ông Võ Văn G được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 926976 ngày 17/7/1995 tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 770, mục đích sử dụng: đất thổ cư, diện tích 1.466m2. Thửa đất Nhà nước đã thu hồi 408,4m2 đất ở tại nông thôn theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện T. Ngày 14/4/2021, ông G nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 478915 ngày 04/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích

1.527,4m2, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, được cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 926976 ngày 17/7/1995 nêu trên.

Tuy nhiên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là trái quy định của pháp luật và không đúng mục đích sử dụng đất của ông G, bởi vì: thửa đất nêu trên gia đình ông G làm nhà và sử dụng trước ngày 18/12/1980. Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 thì thửa đất nêu trên của gia đình ông G là đất thổ cư và trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận tối đa gấp 05 lần hạn mức đất ở tại địa phương. Theo quy định tại mục c khoản 2 Điều 6, Điều 7 Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 thì hạn mức đất ở được quy định tại vị trí thửa đất nêu trên là 300m2 x 05 lần = 1.500m2, nhưng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 478915 ngày 14/5/2017 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi xác định: thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527.4m2, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm.

Đồng thời, ngày 06/9/2018, chi nhánh Văn phòng Đ1 chỉnh lý biến động tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 926976 ngày 17/7/1995 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, với nội dung: "Thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11 đã được cấp đổi GCNQSD đất mới số CE 478915. Theo dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu vùng Đông".

Việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q và nội dung chỉnh lý biến động của Văn phòng Đ1 là trái quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của hộ ông G. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 478915 ngày 04/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Huỷ nội dung chỉnh lý biến động ngày 06/9/2018 của chi nhánh Văn phòng Đ1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 926976 ngày 17/7/1995 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11.

- Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện: buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

* Người bị kiện:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q trình bày:

1. Về nguồn gốc sử dụng đất và quá trình biến động thửa đất: hộ ông Võ Văn G sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận vào ngày 17/7/1995 đối với 04 thửa đất với tổng diện tích 4.090m2, trong đó có thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.466,0m2 (theo cơ sở dữ liệu là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20), loại đất: thổ cư, địa chỉ thửa đất: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là tỉnh Quảng Nam). Năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện T có Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 về việc thu hồi diện tích 408,4m2, mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11. Diện tích thửa đất số 770 còn lại là 1.057,6m2.

2. Quá trình tiếp nhận và căn cứ giải quyết hồ sơ theo thẩm quyền: năm 2012, thực hiện Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai vùng Đông sông T và cấp Giấy chứng nhận tại huyện T. Ngày 25/6/2013, hộ ông Võ Văn G lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 (tăng 469,8m2), mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, với thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

+ Trích lục bản đồ địa chính do chi nhánh Văn phòng Đ1 lập ngày 17/4/2017;

+ Kết quả đo đạc địa chính thửa đất lập ngày 06/01/2012;

+ Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng) ngày 18/8/2011;

+ Bản gốc Giấy chứng nhận ngày 17/7/1996 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn G.

Sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, chi nhánh Văn phòng Đ1 đã thực hiện trích lục thửa đất, hoàn thiện ký xác nhận và trình hồ sơ đến Văn phòng Đ.

Qua xem xét kết quả thẩm định hồ sơ của Văn phòng Đ, căn cứ Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Điều 38 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UB ngày 01/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về Ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở T với Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Đ, xét thấy hồ sơ đảm bảo quy định pháp luật nên ngày 04/5/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q đã ký, cấp đổi Giấy chứng nhận số CE 478915 cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2, địa chỉ thửa đất: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Từ nội dung trên, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q khẳng định việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận số CE 478915 ngày 04/5/2017 cho hộ ông Võ Văn G là đúng quy định pháp luật.

3. Về thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q đã cấp đổi Giấy chứng nhận số CE 478915 cho hộ ông Võ Văn G vào ngày 04/5/2017 và ngay sau đó đã chuyển về cho UBND xã B để trao đồng loạt cho người sử dụng đất trên địa bàn

xã. Do vậy, đề nghị Toà án làm việc, xác minh với UBND xã B về việc thời điểm hộ ông Võ Văn G biết hoặc nhận Giấy chứng nhận số CE 478915 nói trên để xác định thời hiệu khởi kiện theo quy định.

4. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm: thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận vào ngày 17/7/1995 cho hộ ông Võ Văn G có diện tích 1.057,6m2 (đã trừ diện tích thu hồi đất). Theo cơ sở dữ liệu thì thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, nay là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 (tăng 469,8m2). Trường hợp Toà án tuyên huỷ Giấy chứng nhận số CE 478915 ngày 04/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Võ Văn G thì thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tăng thêm (phần diện tích tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận lần đầu) thì thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, khoản 7 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3. Do vậy, việc người khởi kiện buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp lại Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất 1.527,4m2, trong đó có phần diện tích đất tăng là không đúng thẩm quyền. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc theo thẩm quyền.

- Người bị kiện Văn phòng Đ trình bày: yêu cầu Toà án huỷ nội dung đăng ký biến động ngày 06/9/2018 của chi nhánh Văn phòng Đ1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11. Sau khi nghiên cứu nội dung các thông báo, kết quả kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hồ sơ có liên quan, Văn phòng Đ có ý kiến như sau:

Hộ ông Võ Văn G sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận vào ngày 17/7/1995 đối với 04 thửa đất với tổng diện tích 4.090,0m2, trong đó có thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.466,0m2 (theo cơ sở dữ liệu là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20), loại đất: thổ cư, địa chỉ thửa đất: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là tỉnh Quảng Nam).

Năm 2012, thực hiện Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai vùng Đông sông T và cấp Giấy chứng nhận tại huyện T. Ngày 25/6/2013, hộ ông Võ Văn G lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 (tăng 469,8m2), mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy chứng nhận số CE 478915 ngày 04/5/2017 cho hộ ông Võ Văn G.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, khoản 18 Điều 18 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3 thì phải thu hồi và bấm lỗ đối với Giấy chứng nhận gốc đã được cấp đổi. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân huyện T cấp năm 1995 có nhiều thửa đất nên không thể thu hồi bấm lỗ (một số thửa đất khác tại Giấy chứng nhận này vẫn còn giá trị pháp lý). Do vậy, chi nhánh Văn phòng Đ1 thực hiện chỉnh lý biến động nội dung: "Thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11 đã được cấp đổi GCNQSD đất mới số CE 478915 theo Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu vùng đông" sau khi trao Giấy chứng nhận cấp đổi cho người sử dụng đất.

Từ những nội dung trên, Văn phòng Đ khẳng định việc chi nhánh Văn phòng

Đ1 chỉnh lý biến động với nội dung: "Thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11 đã được cấp đổi GCNQSD đất mới số CE 478915 theo Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu vùng đông" sau khi trao Giấy chứng nhận cấp đổi cho người sử dụng đất là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc theo thẩm quyền.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện T trình bày: hộ ông Võ Văn G được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: 863, cấp ngày 17/7/1995, tại thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, với diện tích 1.466m2; mục đích sử dụng: đất thổ cư; địa chỉ thửa đất: tại thôn B, xã B, huyện T. Thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11 của hộ ông Võ Văn G bị ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng phòng chống lụt bão, đường cứu hộ, cứu nạn. Theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư tại thôn B, xã B họp vào ngày 18/5/2012 về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất của hộ ông Võ Văn G là đất sử dụng ổn định từ năm 1976.

Theo Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân và Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã B họp vào ngày 18/5/2012 về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất của hộ ông Võ Văn G là đất sử dụng ổn định từ năm 1976.

Theo quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở tại Quyết định số 53/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q thì vị trí thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11 của hộ ông Võ Văn G được xác định hạn mức đất ở là 300m2.

Theo biên bản kiểm kê thì ngôi nhà có kết cấu: nhà trệt, tường xây, mái ngói và mái tôn có diện tích 115,18m2 của ông Võ Văn G bị ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng phòng chống lụt bão, đường cứu hộ, cứu nạn.

Từ những cơ sở nêu trên, ngày 26/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 284/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng phòng chống lụt bão, đường cứu hộ, cứu nạn đoạn qua xã B, huyện T với diện tích 408,4m2 đất ở nông thôn (300m2 đất ở trong hạn mức và 108,4m2 đất ở có thời điểm sử dụng trước 18/12/1980) của hộ ông Võ Văn G tại thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã B, huyện T.

Theo quy định tại Điều 35 Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q, quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, như sau: "1. Giao đất ở tái định cư và cơ chế hỗ trợ tiền sử dụng đất TĐC: a) Hộ gia đình, cá nhân bị Nhà nước thu hồi đất ở mà được bố trí tái định cư thì được giao đất ở tại các khu tái định cư hoặc bố trí xen cư tại các khu dân cư quy hoạch để xây dựng lại nhà ở". Trường hợp hộ ông G không có nhà ở gắn liền với đất ở ổn định tại nơi khác. Do đó, hộ ông G được bố trí tái định cư theo quy định. Hộ ông G chọn hình thức tái định cư tự do và đã nhận 137.200.000đồng. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân xã B, huyện T trình bày: Ủy ban nhân dân xã B kiểm tra hồ sơ địa chính, hồ sơ kê khai theo CSDL của hộ ông Võ Văn G, hồ sơ pháp lý gồm:

+ Theo hồ sơ kê khai 299/TTg (không hồ sơ tại xã B).

+ Theo hồ sơ kê khai theo NĐ 64-CP thửa đất số 770, tờ 11, diện tích

1.466m2, trong đó: đất ở 200m2, 600m M, 600m Hg), loại ruộng đất T2

+ Hồ sơ kê khai đo đạc theo cơ sở dữ liệu tại xã B được xác lập thành thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, loại đất: đất trồng cây lâu năm đã được Sở TN&MT tỉnh Q cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn G có số phát hành CE 478915, số vào sổ cấp GCN CS03280 ngày cấp 04/5/2017 (có hồ sơ pháp lý kèm theo).

- Bà Võ Thị Tường V có nội dung và yêu cầu tương tự như người khởi kiện ông Võ Văn G.

- Những người có quyền lợi liên quan khác không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2024/HCST ngày 07/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, Điều 173 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người khởi kiện: buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

2. Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 17, 18, 19 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G về việc:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 478915 ngày 04/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Huỷ nội dung chỉnh lý biến động ngày 06/9/2018 của chi nhánh Văn phòng Đ1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 926976 ngày 17/7/1995 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2024, người khởi kiện ông Võ Văn G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Võ Văn G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Ông Lê Duy T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 478915 ngày 04/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Võ Văn G vì cấp không đúng mục đích sử dụng đất, yêu cầu cấp cho hộ ông G 1.500m2 đất ở và huỷ chỉnh lý biến động tại trang 4.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Võ Văn G, giữ nguyên quyết định của bản án

hành chính sơ thẩm số 57/2024/HCST ngày 07/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, Văn phòng Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Thanh T1 vắng mặt; bà Võ Thị Vi N1 và bà Võ Thị Tường V có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Văn G, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc và quá trình biến động của thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam: theo Báo cáo số 60/BC-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã B và tài liệu, chứng cứ kèm theo thể hiện: theo hồ sơ kê khai 299/TTg (không hồ sơ tại xã B), theo hồ sơ kê khai Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 là thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.466m2, loại đất T do ông Võ Văn G kê khai, trong đó có: 200m2 đất ở, 600m2 đất màu (M) và 600m2 đất hoang (H). Ngày 17/7/1995, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa 770, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.466m2 đất thổ cư. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng phòng chống lụt bão, đường cứu nạn cứu hộ huyện T, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 thu hồi diện tích 408,4m2 đất ở nông thôn tại thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11 của hộ ông Võ Văn G. Hồ sơ kê khai đo đạc theo cơ sở dữ liệu tại xã B được xác lập thành thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 loại đất trồng cây lâu năm và ông Võ Văn G đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 478915 ngày 04/5/2017.

[2.2] Xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 478915 ngày 04/5/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cho hộ ông Võ Văn G, Hội đồng xét xử thấy: ngày 25/6/2013, tại Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/6/2013 của ông Võ Văn G đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam thể hiện thông tin thửa đất theo Giấy chứng nhận đã cấp: thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.057,6m2, mục đích sử dụng thổ cư (vì có sự thay đổi sau khi Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi 408,4m2 đất ở); thông tin thửa đất mới thay đổi: thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2, mục đích sử dụng CLN (tăng 469,8m2). Đơn này được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận ngày 29/9/2013 có nội dung: ông Võ Văn G sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ 20, diện tích 1.527,4m2 sau ngày 18/12/1980, diện tích tăng 469,7m2 là do ranh giới thay đổi, Hội đồng

thống nhất cấp cây lâu năm (vì diện tích đền bù đường cứu hộ, cứu nạn đã thu hồi đất ở trong hạn mức). Ngày 17/4/2017, chi nhánh Văn phòng Đ1 đồng ý cấp đổi 1.527,4m2 CLN. Hộ ông Võ Văn G được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CE 478915 ngày 04/5/2017 đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thôn B, xã B, T, Quảng Nam, diện tích 1.527,4m2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Như vậy, hộ ông G sử dụng thửa đất số 183 sau ngày 18/12/1980 và không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 nên không được xác định lại diện tích đất ở là đúng quy định tại khoản 2 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, ông G làm thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không phải thực hiện thủ tục đề nghị xác định lại diện tích đất ở theo quy định của pháp luật. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu vùng Đông cho hộ ông G diện tích 1.527,4m2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.3] Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 926976 ngày 17/7/1995 mà Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông G là cấp chung cho nhiều thửa đất nên không thể thu hồi bấm lỗ đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vì một số thửa đất khác tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 926976 vẫn còn giá trị pháp lý. Mặt khác, thửa đất số 183 đã được tách ra để cấp riêng Giấy chứng nhận. Do đó, chi nhánh Văn phòng Đ1 chỉnh lý biến động tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng quy định tại các Điều 17, 18, 19 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 478915 ngày 04/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam và huỷ nội dung chỉnh lý biến động ngày 06/9/2018 của chi nhánh Văn phòng Đ1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 926976 ngày 17/7/1995 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11, là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Văn G như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Võ Văn G phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông G là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông G không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Văn G và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2024/HCST ngày 07/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, Điều 173 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người khởi kiện: buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 17, 18, 19 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G về việc yêu cầu Toà án giải quyết:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 478915 ngày 04/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.527,4m2 tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Huỷ nội dung chỉnh lý biến động ngày 06/9/2018 của chi nhánh Văn phòng Đ1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 926976 ngày 17/7/1995 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn G đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 11.

3. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Võ Văn G.

4. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thị Kim Liên